

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số 34/2019/DSST
Ngày 30/8/2019**

V/v :Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Bình

Ông Lê Văn La

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Ông
Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2019, TAND huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công
khai vụ án dân sự lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh
chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
72/2019/QĐXXST-DS ngày 05/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số
78/2019/QĐST-DS ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Anh Đặng Đình Ph, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Trú tại thôn TB, xã TT, huyện Lạng Giang, Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** 1. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1975; (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Trú tại: Khu 3, TT K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Thị T1, sinh năm
1982; Trú tại: Thôn TB, xã TT, huyện Lạng Giang, Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, ông Đặng Đình Ph là
nguyên đơn trình bày:*

Gia đình anh kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng nên từ ngày 07/10/2009
đã nhiều lần bán vật liệu xây dựng cho vợ chồng anh Nguyễn Xuân T, chị Nguyễn
Thị H ở khu 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để xây nhà ở. Sau khi
hoàn thành việc xây dựng, vợ chồng anh T, chị H trả được một phần tiền vật liệu

xây dựng đã mua, ngày 07/4/2012 chị H trả 1.000.000đ, còn nợ lại 57.000.000đ. Kể từ đó đến nay, mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng vợ chồng anh T, chị H vẫn không trả anh số tiền còn nợ. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh T, chị H phải trả cho anh số tiền còn nợ là 57.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Chị Lê Thị T1 (vợ anh Ph) là người có quyền lợi liên quan đứng về phái nguyên đơn đồng ý với ý kiến của anh Ph, không bổ sung gì.

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn khai: Năm 2009 gia đình anh chị có mua vật liệu xây dựng của gia đình anh Ph. Chị xác nhận hiện nay vẫn còn nợ tiền của anh Ph nhưng nợ bao nhiêu chị không nhớ rõ. Tại buổi hòa giải ngày 16/5/2019 chị xác nhận còn nợ lại và đồng ý trả anh Ph số tiền 57.000.000đ nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.500.000đ.

Anh Nguyễn Xuân T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án giao, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không đến tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án.

Anh vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Thực hành kiểm sát hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS.

Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật

Bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của pháp luật.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Xuân T thanh toán trả cho anh Đặng Đình Ph số tiền còn nợ là 57.000.000đ. Buộc vợ chồng anh T, chị H phải chịu án phí theo pháp luật và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

+ Anh Đặng Đình Ph là nguyên đơn, chị Lê Thị T là người có quyền lợi liên quan đứng về phía nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bị đơn anh Nguyễn Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Cuối năm 2009, vợ chồng anh Nguyễn Xuân T, chị Nguyễn Thị H mua vật liệu xây dựng của vợ chồng anh Đặng Đình Ph để làm nhà ở. Ngày 07/4/2012 âm lịch chị H trả 1.000.000đ còn nợ lại 57.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án thì anh T, chị H đã thừa nhận còn nợ anh Ph số tiền 57.000.000đ đến nay chưa trả. Vì vậy anh Ph khởi kiện buộc vợ chồng anh T, chị H thanh toán số tiền còn nợ là 57.000.000đ là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 430, 440, 357, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận.

Anh Đặng Đình Ph không yêu cầu vợ chồng anh T, chị H phải trả tiền lãi của số tiền chậm trả nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Đặng Đình Ph đối với số tiền 57.000.000đ được HĐXX chấp nhận nên chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 430, 440, 357, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Xử:

[1]. Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Xuân T phải thanh toán trả cho vợ chồng anh Đặng Đình Ph số tiền là 57.000.000đ.

[2]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Xuân T phải chịu 2.850.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Đặng Đình Ph 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0006882 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Báo cáo đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

☐ n xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Ngữ